

Số: 106 /TB-UBND

Điện Biên, ngày 22 tháng 12 năm 2020

THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐIỂM
Kỳ xét tuyển viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo
huyện Điện Biên năm học 2020 - 2021

Căn cứ Quyết định số 234/QĐ-SNV, ngày 30/9/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Phương án tuyển dụng viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo tại các đơn vị trường học thuộc quản lý của UBND huyện Điện Biên năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Công văn số 86/CV-HĐTXVC, ngày 21/12/2020 của Hội đồng xét tuyển viên chức về việc báo cáo quy trình thực hiện vòng 2 và kết quả điểm kỳ xét tuyển viên chức sự nghiệp GD&ĐT huyện năm học 2020-2021;

Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên thông báo kết quả điểm kỳ xét tuyển viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo các đơn vị trường học thuộc quản lý của UBND huyện Điện Biên năm học 2020-2021.

(Có danh sách kèm theo)

Danh sách kết quả xét tuyển được niêm yết công khai tại Trụ sở làm việc của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBND huyện Điện Biên và thông báo đến tất cả các thí sinh tham gia kỳ xét tuyển. *KH*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (B/cáo);
- TT Huyện ủy (B/cáo);
- TT HĐND huyện(B/cáo);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Hội đồng xét tuyển viên chức;
- Ban giám sát kỳ xét tuyển;
- Các thí sinh dự xét tuyển;
- Phòng GD&ĐT huyện;
- Ban Tổ chức và Nội vụ huyện;
- Trung tâm VH-TT-TH huyện;
- Lưu: VT. *VT*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Hải Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN**

DANH SÁCH ĐIỂM KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM HỌC 2020 - 2021 HUYỆN ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Thông báo số 106 /TB-UBND, ngày 22/12/2020 của UBND huyện Điện Biên)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Chuyên môn, nghiệp vụ			Vị trí dự tuyển	Điểm xét tuyển			Ghi chú
					Trình độ	Chuyên ngành (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo		Điểm ưu tiên	Điểm thực hành (vòng 2)	Tổng điểm	
1	01	Nguyễn Văn Đức	16/9/1995	Kinh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn cấp THCS		77	77	
2	02	Lò Thị Lắm	20/4/1994	Thái	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn cấp THCS			0	Bỏ thi
3	03	Hoàng Thị Hằng	22/10/1993	Tày	ĐH	Sư phạm Văn - GD CD	Sư phạm Văn - GD CD	Giáo viên Ngữ văn cấp THCS	05	65,5	70,5	
4	04	Tòng Thị Tình	20/12/1995	Thái	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên Ngữ văn cấp THCS	05	65	70	
5	05	Tòng Thị Oanh	30/12/1997	Thái	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Sư phạm Lịch sử	Giáo viên Lịch sử cấp THCS	05	71,5	76,5	
6	06	Nguyễn Thanh Tâm	09/11/1996	Kinh	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Sư phạm Lịch sử	Giáo viên Lịch sử cấp THCS		81,5	81,5	
7	07	Phan Thị Hà Trang	29/12/1997	Kinh	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Sư phạm Lịch sử	Giáo viên Lịch sử cấp THCS		65	65	
8	08	Tòng Thái An	24/6/1994	Thái	ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Giáo viên Thể dục cấp THCS			0	Bỏ thi
9	09	Sùng A Minh	18/6/1994	Mông	ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Giáo viên Thể dục cấp THCS	05	81,0	86	

(Chữ ký)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Chuyên môn, nghiệp vụ			Vị trí dự tuyển	Điểm xét tuyển			Ghi chú
					Trình độ	Chuyên ngành (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo		Điểm ưu tiên	Điểm thực hành (vòng 2)	Tổng điểm	
10	10	Lò Thị Bình	12/7/1990	Lào	CD	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	58,0	63	
11	11	Lường Thị Công	12/6/1999	Lào	CD	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	63,75	68,75	
12	12	Quảng Thị Đới	08/01/1996	Thái	CD	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	38,5	43,5	
13	13	Lò Thị Điện	05/12/1999	Lào	CD	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	76,0	81	
14	14	Lò Thị Định	27/10/1999	Thái	CD	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	36,0	41	
15	15	Quảng Thị Hà	12/03/1998	Thái	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non			0	Bỏ thi
16	16	Đào Thị Hà	21/10/1997	Kinh	CD	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non		82,0	82	
17	17	Lò Thị Hải	29/6/1998	Thái	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	62,25	67,25	
18	18	Nguyễn Thị Hòa	29/6/1999	Kinh	CD	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non		84,5	84,5	
19	19	Hồ Thị Hằng	06/6/1999	Mông	CD	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	76,5	81,5	
20	20	Lường Thị Hồng	19/9/1998	Thái	CD	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	64,0	69	
21	21	Tòng Thị Thu Hằng	23/4/1998	Thái	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	77,5	82,5	

12/10/2023

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Chuyên môn, nghiệp vụ			Vị trí dự tuyển	Điểm xét tuyển			Ghi chú
					Trình độ	Chuyên ngành (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo		Điểm ưu tiên	Điểm thực hành (vòng 2)	Tổng điểm	
22	22	Lò Thu Hằng	05/10/1998	Thái	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	77,5	82,5	
23	23	Lường Thị Kiêm	08/3/1995	Thái	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	43,5	48,5	
24	24	Trần Thị Mỹ Lệ	02/10/1999	Kinh	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non		84,0	84	
25	25	Lò Thị Loan	08/3/1996	Lào	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	75,5	80,5	
26	26	Lê Thị Thanh Lý	27/4/1999	Kinh	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non		84,5	84,5	
27	27	Lò Thị Mai	15/8/1999	Thái	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	69,5	74,5	
28	28	Lò Thị Mai	20/3/1997	Thái	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	67,5	72,5	
29	29	Vàng Thị Mái	29/6/1998	Mông	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non			0	Bỏ thi
30	30	Lường Thị Minh	20/10/1999	Thái	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	53,0	58	
31	31	Quàng Thị Minh	08/01/1997	Thái	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	54,5	59,5	
32	32	Lò Thị Nga	14/8/1999	Thái	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	55,5	60,5	
33	33	Lò Thị Ngọc Quyên	07/9/1999	Thái	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	74,5	79,5	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Chuyên môn, nghiệp vụ			Vị trí dự tuyển	Điểm xét tuyển			Ghi chú
					Trình độ	Chuyên ngành (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo		Điểm ưu tiên	Điểm thực hành (vòng 2)	Tổng điểm	
34	34	Phìn Thị Kim Phụng	03/12/1998	Thái	CD	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non			0	Bỏ thi
35	35	Hà Thị Phương	18/11/1995	Kinh	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non			0	Bỏ thi
36	36	Cầm Thị Thanh	20/11/1997	Thái	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	52,5	57,5	
37	37	Bùi Thị Thanh	06/01/1998	Kinh	CD	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non		48,0	48	
38	38	Lò Thị Thanh	31/5/1999	Thái	CD	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	80,5	85,5	
39	39	Lò Thị Thành	25/12/1995	Lào	CD	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	82,0	87	
40	40	Lường Thị Thành	02/8/1998	Thái	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	68,0	73	
41	41	Lò Thị Thu	25/3/1998	Lào	CD	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	44,0	49	
42	42	Lò Thị Thu	30/01/1999	Thái	CD	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	79,5	84,5	
43	43	Quảng Thị Viên	18/3/1993	Kho Mú	CD	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	05	79,5	84,5	
44	44	Lò Thị Hoài	19/7/1998	Thái	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên văn hóa cấp tiểu học	05	66,0	71	
45	45	Lường Thị Phương Thảo	11/02/1996	Thái	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên văn hóa cấp tiểu học	05	71,0	76	

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Chuyên môn, nghiệp vụ			Vị trí dự tuyển	Điểm xét tuyển			Ghi chú
					Trình độ	Chuyên ngành (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo		Điểm ưu tiên	Điểm thực hành (vòng 2)	Tổng điểm	
46	46	Tòng Thị Thơm	02/01/1991	Thái	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên văn hóa cấp tiểu học	05	32,0	37	
47	47	Lò Thị Thu	18/12/1997	Thái	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Giáo viên văn hóa cấp tiểu học	05	44,5	49,5	
48	48	Quàng Văn Tuấn	10/12/1992	Thái	ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Giáo viên tổng phụ trách Đội cấp tiểu học	05	64,0	69	
49	49	Phùng Minh Tuyền	28/01/1998	Kinh	ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Giáo viên tổng phụ trách Đội cấp tiểu học		67,0	67	

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

CHỦ TỊCH



Lò Thị Lan Anh



Trần Văn Sơn



Bà Hải Bình